

THÁI ĐỘ VÀ CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ VỀ SỬ DỤNG KHÁNG SINH

Lê Thị Minh Ngọc¹, Đặng Duy Khánh¹

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Trước tình hình đề kháng kháng sinh ngày càng gia tăng, trước thực trạng sử dụng kháng sinh không hợp lý, không có đơn thuốc của bác sĩ ngày càng phổ biến, việc nâng cao ý thức về việc sử dụng kháng sinh là một trong những khâu quan trọng của quản lý y tế. Nếu thái độ, nhận thức của người mua thuốc không phù hợp có thể dẫn đến nhiều hệ lụy khác nhau, ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe, gia tăng gánh nặng chi phí điều trị và trầm trọng nhất có thể là tính mạng của người bệnh. **Mục tiêu nghiên cứu:** Đánh giá thực trạng về thái độ và các yếu tố liên quan của người dân thành phố Cần Thơ đối với việc sử dụng kháng sinh. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang với cỡ mẫu là 414, thông qua phỏng vấn trực tiếp người dân sinh sống ở quận Ninh Kiều, Thốt Nốt và huyện Phong Điền, Thới Lai trên địa bàn thành phố Cần Thơ. **Kết quả:** Tỷ lệ người dân tham gia khảo sát đạt mức thái độ chung về kháng sinh tốt, trung bình, kém lần lượt là 14,3%, 8,4%, 77,3%. Các yếu tố có liên quan đến điểm trung bình thái độ bao gồm nơi cư trú, độ tuổi, trình độ và nghề nghiệp. **Kết luận:** Nghiên cứu cho thấy đa số người dân có thái độ chưa tốt về sử dụng kháng sinh và nơi cư trú, độ tuổi, trình độ và nghề nghiệp là các yếu tố có liên quan đến thực trạng thái độ về sử dụng kháng sinh của người dân.

Từ khóa: thái độ, kháng sinh, không kê đơn.

SUMMARY

ATTITUDES AND RELEVANT FACTORS OF CAN THO CITY PEOPLE ABOUT THE USE OF ANTIBIOTICS

Background: In the face of increasing antibiotic resistance and the increasingly common use of antibiotics without a doctor's prescription, it is important to raise awareness about the use of antibiotics. is one of the important stages of health management. If the attitude and awareness of the drug buyer is not appropriate, it can lead to many different relationships, directly affecting health, increasing the burden of treatment costs and, most seriously, the patient's life. sick people. **Objectives:** Assess the current status of attitudes and related factors of Can Tho city residents towards the use of antibiotics. **Methods:** Cross-sectional descriptive study with a sample size of 414, through interviews with people living in Ninh Kieu, Thot Not and Phong Dien, Thoi Lai districts in Can Tho city. **Results:** The

proportion of people participating in the survey with the general level of good, average, and poor attitude of using antibiotics was 14.3%, 8.4% and 77.3%. Factors related to average attitude scores include place of residence, age and occupation. **Conclusion:** The study found that many people have poor attitudes about antibiotic use and that place of residence, age, education level and occupation are factors related to people's attitudes about antibiotic use

Keywords: attitude, antibiotics, non-prescription.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, việc lạm dụng những loại kháng sinh làm cho các vi sinh vật thích nghi với thuốc, tạo điều kiện cho nhiều loại vi khuẩn trở thành kháng thuốc, dẫn đến thuốc kém hiệu quả hoặc không hiệu quả. Tổ chức Y tế Thế giới (World Health Organization-WHO) ước tính và cảnh báo đến năm 2050, tình trạng kháng thuốc có thể là nguyên nhân gây tử vong cho 10 triệu người trên toàn cầu mỗi năm và chi phí y tế bổ sung mỗi năm dự kiến do sự gia tăng của tình trạng kháng thuốc kháng sinh là 1,2 nghìn tỷ USD [7].

Cần Thơ là thành phố trực thuộc Trung ương với dân số 1.235.171 người cùng mạng lưới các cơ sở y tế và cơ sở bán lẻ thuốc phát triển mạnh mẽ. Cần Thơ cũng là một trong bốn tỉnh thành được Bộ Y tế chọn triển khai thí điểm Đề án tăng cường kiểm soát kê đơn thuốc và bán thuốc kê đơn trên toàn quốc [2]. Việc tìm hiểu thái độ và nhận thức sử dụng thuốc kháng sinh không kê đơn của người dân trong cộng đồng là rất cần thiết trong bối cảnh hiện nay, từ đó, có thể đưa ra biện pháp can thiệp phù hợp nhằm làm giảm việc sử dụng kháng sinh bất hợp lý trong cộng đồng.

Nghiên cứu được thực hiện với hai mục tiêu:

- *Đánh giá thực trạng thái độ về sử dụng kháng sinh của người dân trên địa bàn thành phố Cần Thơ năm 2023.*

- *Xác định một số yếu tố liên quan đến thực trạng thái độ đối với việc sử dụng kháng sinh của người dân trên địa bàn thành phố Cần Thơ năm 2023.*

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu. Người dân sinh sống tại địa bàn thành phố Cần Thơ.

Tiêu chuẩn chọn mẫu. Người dân đang sinh sống tại một số quận/huyện trên địa bàn thành phố Cần Thơ; có biết về Kháng sinh (KS), từ 18 tuổi trở lên, có đầy đủ khả năng nhận thức và khả năng trả lời câu hỏi, đồng ý tham gia

¹Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

Chịu trách nhiệm chính: Đặng Duy Khánh

Email: ddkhanh@ctump.edu.vn

Ngày nhận bài: 10.5.2024

Ngày phản biện khoa học: 19.6.2024

Ngày duyệt bài: 18.7.2024

ngiên cứu, là chủ hộ hoặc người quyết định dùng thuốc cho bản thân hoặc trong hộ gia đình.

Tiêu chuẩn loại trừ: Người không đồng ý tham gia nghiên cứu; người có quốc tịch nước ngoài; người không thể nghe, nói, đọc tiếng Việt.

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu.

Các quận, huyện: Ninh Kiều, Cái Răng, Phong Điền, Thới Lai thuộc thành phố Cần Thơ, từ tháng 1/2023 đến tháng 04/2023.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Thiết kế nghiên cứu: Phương pháp mô tả cắt ngang thông qua bộ câu hỏi phỏng vấn trực tiếp.

2.3.2. Cỡ mẫu: áp dụng công thức tính cỡ mẫu cho nghiên cứu mô tả để xác định một tỷ lệ:

$$n = Z^2(1-\alpha/2) (2.1)$$

Trong đó: n: Cỡ mẫu nghiên cứu

$Z_{(1-\alpha/2)}$: giá trị của hệ số giới hạn tin cậy (1- α)

α : mức ý nghĩa thống kê

d: độ sai lệch giữa tham số mẫu và tham số quần thể

p: giá trị tỷ lệ ước tính tổng thể

Chọn p = 0,5 để cỡ mẫu là lớn nhất, sai số tuyệt đối là d = 5%, độ tin cậy 95% ($\alpha = 0,05$) thì $Z_{(1-\alpha/2)} = 1,96$. Thay vào công thức, được cỡ mẫu tối thiểu là 384. Thực tế đã thu được 414 mẫu.

2.3.3. Nội dung nghiên cứu. Thông tin đối tượng nghiên cứu: bao gồm giới tính (nam, nữ); vị trí nơi cư trú (quận, huyện); nhóm tuổi (dưới 30 tuổi, 30-44 tuổi, 45-59 tuổi và từ 60 tuổi trở lên); trình độ (dưới trung học phổ thông, trung học phổ thông, trung cấp/cao đẳng, đại học, sau đại học); nghề nghiệp (nông dân, buôn bán, nhân viên ngành y tế, nhân viên không thuộc ngành y tế và những người khác); thu nhập (dưới 5 triệu, từ 5 đến 10 triệu, từ 10 đến dưới 20 triệu và trên 20 triệu).

Đánh giá thực trạng thái độ về sử dụng kháng sinh của người dân trên địa bàn thành phố Cần Thơ năm 2023: bộ câu hỏi có tổng số câu là 9, mỗi câu trả lời đúng đáp án có giá trị 1 điểm, mỗi câu trả lời sai đáp án hoặc chọn đáp án "không ý kiến" có giá trị 0 điểm. Điểm trung bình thái độ (tính trên thang điểm 10) = tổng điểm/số câu \times 10.

Phân loại mức kiểm thức gồm 3 mức:

1-Có thái độ tốt (điểm thái độ \geq 7 điểm);

2-Có thái độ trung bình (7 điểm > điểm thái độ \geq 5 điểm);

3-Có thái độ kém (điểm thái độ < 5 điểm).

Xác định các yếu tố liên quan đến thái độ về sử dụng kháng sinh của người dân trên địa bàn thành phố Cần Thơ năm 2023: Khảo sát các đặc điểm như giới tính; vị trí nơi cư trú; nhóm tuổi; trình độ; nghề nghiệp; thu nhập, để đánh giá tác

động của từng yếu tố đến điểm thái độ của người dân về kháng sinh.

2.3.4. Phương pháp xử lý và phân tích số liệu:

dữ liệu được phân tích bằng phần mềm SPSS 20.0. Kiểm định biến phân phối chuẩn bằng test Skewness. So sánh trung bình điểm giữa các nhóm sử dụng Independent t-test và test ANOVA nếu biến phân bố chuẩn.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 3.1. Thông tin chung của người dân tham gia nghiên cứu

Đặc điểm		Số lượng	Tỉ lệ (%)
Giới tính	Nữ	232	56,04%
	Nam	182	43,96%
Nơi cư trú	Quận	280	67,63%
	Huyện	134	32,37%
Tuổi	Từ 18-dưới 30 tuổi	136	32,85%
	Từ 30-dưới 45 tuổi	119	28,74%
	Từ 45-dưới 60 tuổi	120	28,99%
	Từ 60 tuổi trở lên	39	9,42%
Trình độ học vấn	Dưới THPT	44	10,63%
	THPT	69	16,67%
	Trung cấp/Cao đẳng	70	16,91%
	Đại học	228	55,07%
	Sau đại học	3	0,72%
Nghề nghiệp	Khác	151	36,47%
	Nông dân	23	5,56%
	Buôn bán	80	19,32%
	Nhân viên ngành y tế	62	14,98%
	Nhân viên không thuộc ngành y tế	98	23,67%
Thu nhập hàng tháng	Dưới 5 triệu	168	40,58%
	5-dưới 10 triệu	134	32,37%
	10-dưới 20 triệu	91	21,98%
	Từ 20 triệu trở lên	21	5,07%

Trong 414 người dân được phỏng vấn, nữ chiếm tỷ lệ 56,04%, phần lớn sinh sống ở quận là (67,63%), có độ tuổi dưới 60 tuổi (90,58%). Trình độ chuyên môn là đại học chiếm 55,07%, tỷ lệ là nhân viên làm việc tại các công ty, cơ quan là 38,65%, trong đó có 14,98% là nhân viên y tế. Đa số có thu nhập từ 5-dưới 10 triệu (32,37%).

3.2. Thái độ về sử dụng kháng sinh của người dân

Bảng 3.2. Tỷ lệ phần trăm người dân trả lời đúng các câu hỏi về thái độ

STT	Nội dung	Câu trả lời mong muốn	Trả lời đúng
A1	Dùng KS giúp ngăn ngừa nhiễm khuẩn	Không đồng ý	24 (5,8%)

A3	Dùng KS giúp khỏi bệnh nhanh hơn	Không đồng ý	26 (6,3%)
A4	Nhân viên nhà thuốc có đủ trình độ bán thuốc KS cho tôi/người nhà tôi mà không cần đi khám bác sĩ	Không đồng ý	79 (19,1%)
A5	Mua KS không đơn tại nhà thuốc sẽ thuận tiện và tiết kiệm hơn	Không đồng ý	82 (19,8%)
A6	Đề kháng KS là một vấn đề rất nguy hiểm cho cộng đồng	Đồng ý	368 (88,9%)
A7	Sử dụng KS không hợp lý làm tăng chi phí điều trị	Đồng ý	369 (89,1%)
A8	Không nên dùng bừa bãi KS nếu không KS sẽ không có tác dụng khi thực sự cần thiết (lờn thuốc KS)	Đồng ý	334 (80,7%)
A9	Chỉ sử dụng KS khi có sự thăm khám và kê đơn của bác sĩ	Đồng ý	152 (36,7%)

Nhận xét: các câu hỏi có tỷ lệ trả lời đúng cao nhất là "Đề kháng KS là một vấn đề rất nguy hiểm cho cộng đồng", "Sử dụng KS không hợp lý làm tăng chi phí điều trị", "Không nên dùng bừa bãi KS nếu không KS sẽ không có tác dụng khi thực sự cần thiết (lờn thuốc KS)", chiếm trên 80%. Các câu hỏi thuộc nhóm "tích cực với việc mua KS không đơn" lại được số đông người dân trả lời sai, chiếm 80-90%.

Về phân loại thái độ chung của người dân, thể hiện trong bảng 3.3. Kết quả cho thấy tỷ lệ người dân có thái độ kém về sử dụng KS khá cao đến 77,3%.

Bảng 3.3. Phân loại về thái độ sử dụng kháng sinh

TT	Nội dung	Tỷ lệ (%)
1	Thái độ chung kém	77,3
2	Thái độ chung trung bình	8,4
3	Thái độ chung tốt	14,3

3.3. Một số yếu tố liên quan đến thái độ sử dụng kháng sinh của người dân

Bảng 3.4. Tổng điểm trung bình thái độ theo đặc điểm đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm		ĐTB (±SD)	p
Giới tính	Nữ	4,98 (±1,34)	0,223
	Nam	4,76 (±1,65)	
Nơi cư trú	Quận	4,60 (±1,75)	0,000
	Huyện	4,09 (±1,09)	
Nhóm	Từ 18-dưới 30 tuổi	4,40 (±1,75)	0,048

tuổi	Từ 30-dưới 45 tuổi	4,20 (±1,44)	
	Từ 45-dưới 60 tuổi	4,55 (±1,46)	
	Từ 60 tuổi trở lên	4,87 (±1,74)	
Trình độ	Dưới THPT	4,49 (±1,57)	0,000
	THPT	4,57 (±1,73)	
	Trung cấp/Cao đẳng	3,87 (±1,60)	
	Đại học	4,53 (±1,62)	
	Sau đại học	6,17 (±1,58)	
Nghề nghiệp	Nông dân	4,06 (±1,78)	0,000
	Buôn bán	4,12 (±1,81)	
	Nhân viên ngành y tế	4,61 (±1,63)	
	Nhân viên không thuộc ngành y tế	3,91 (±1,39)	
Thu nhập cá nhân	Khác	4,93 (±2,01)	0,221
	Dưới 5 triệu	4,77 (±1,58)	
	5-dưới 10 triệu	4,35 (±1,62)	
	10-dưới 20 triệu	4,00 (±1,45)	
	Từ 20 triệu trở lên	4,16 (±1,59)	
		TB điểm ĐTB: 4,43 (±1,589)	
		Trung vị: 4,30, Skewness: 0,324	

Điểm trung bình thái độ là 4,43, có phân phối chuẩn. Đối tượng có điểm trung bình thái độ cao nhất vẫn là người có trình độ Sau đại học, đối tượng có điểm trung bình thái độ thấp nhất là người có trình độ Trung cấp/Cao đẳng với 3,87 (SD±1,60).

Từ bảng 3.4 cho thấy một số yếu tố có liên quan đến thái độ sử dụng kháng sinh của người dân như sau:

Nơi cư trú: kết quả từ 2 nhóm đối tượng quận huyện cho thấy có sự khác nhau về hai nhóm đối tượng này (p < 0,001). Người dân sinh sống ở quận có điểm thái độ cao hơn người dân sống tại huyện.

Độ tuổi: có sự khác biệt về thái độ giữa các nhóm tuổi (p = 0,048). Người dân có điểm thái độ cao nhất là người ở độ tuổi trên 60 tuổi.

Trình độ học vấn: kết quả phân tích đã chỉ ra trình độ học vấn là yếu tố ảnh hưởng đến thái độ sử dụng kháng sinh (p < 0,001). Người có trình độ Sau đại học có điểm trung bình thái độ cao nhất.

Nghề nghiệp: nghề nghiệp cũng là một yếu tố ảnh hưởng đến thái độ của người dân (p = 0.000), cụ thể là người làm việc trong ngành y tế sẽ có thái độ tốt hơn các ngành còn lại.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Thực trạng thái độ về sử dụng kháng sinh của người dân. Điểm trung bình thái độ ghi nhận được trên mẫu là 4,43 (trên thang điểm 10), với SD bằng 1,589, điểm trung bình khá gần với trung vị (4,30), chỉ số Skewness bằng 0,324 nằm trong khoảng (-1,+1)

nên chúng tỏ điểm trung bình thái độ có phân phối chuẩn. Điểm số mà những người tham gia phỏng vấn đạt được trong bài kiểm tra về thái độ sử dụng KS được coi là ít đa dạng hơn, điểm dao động từ 0-8,8 điểm và chỉ có 14,3% mẫu có mức thái độ tốt và có đến 77,3% mẫu đạt mức thái độ kém. Kết quả này kém hơn nhiều so với nghiên cứu thực hiện tại Indonesia (2021) [4], với điểm trung bình thái độ là 5,7 (trên thang điểm 10), trong đó mức tốt là 20,6% và kém là 31,6% và tại Sudan (2022) [5] với 24,8% có thái độ tốt và 15% có thái độ kém đối với việc sử dụng KS.

Về các câu hỏi có liên quan đến việc nhận thức đúng về việc sử dụng KS và đề kháng KS như "Đề kháng KS là một vấn đề rất nguy hiểm cho cộng đồng", "Sử dụng KS không hợp lý làm tăng chi phí điều trị", "Không nên dùng bừa bãi KS nếu không KS sẽ không có tác dụng khi thực sự cần thiết (lờn thuốc KS)", đa số người dân đều có câu trả lời đúng (trên 80%). Tuy nhiên, trong vấn đề sâu xa bên trong, dường như người dân vẫn chưa hiểu rõ nguyên nhân và những hành vi nào thật sự gây ra tình trạng đề kháng KS. Cụ thể, khi được hỏi về việc dùng KS dự phòng, đa số đều cho rằng "Dùng KS giúp ngăn ngừa nhiễm khuẩn", chiếm tỷ lệ lên đến 94,2%. Điều này là không đúng vì chỉ nên sử dụng KS nếu có bằng chứng lâm sàng hoặc xét nghiệm cho thấy nhiễm khuẩn. Sử dụng cho bệnh virus hoặc sốt không phân biệt là không phù hợp trong hầu hết các trường hợp; nó gây ra tác dụng phụ của thuốc mà không mang lại lợi ích gì và góp phần làm vi khuẩn kháng thuốc. Tương tự như vậy, cũng có đến 93,7% người được phỏng vấn đồng ý với ý kiến "Dùng KS giúp khỏi bệnh nhanh hơn". Thuốc KS là thuốc có nguồn gốc từ vi khuẩn hoặc nấm mốc hoặc được tổng hợp. Kháng sinh đôi khi tương tác với các thuốc khác, làm tăng hoặc giảm nồng độ huyết thanh của các thuốc khác bằng cách làm tăng hoặc giảm sự trao đổi chất của chúng hoặc bằng các cơ chế khác. Do đó, chỉ nên sử dụng KS trong những trường hợp cần thiết như khi bị nhiễm trùng. Và có rất đông người được phỏng vấn tin tưởng vào trình độ "kê toa" của người bán thuốc, hơn 80% cho rằng "Nhân viên nhà thuốc có đủ trình độ bán thuốc KS cho tôi/người nhà tôi mà không cần đi khám bác sĩ" và họ cảm thấy "Mua KS không đơn tại nhà thuốc sẽ thuận tiện và tiết kiệm hơn". Trong nghiên cứu của Ngô Thị Mỹ Bình, khi được hỏi về vấn đề kháng KS thì có tới 96,4% người cao tuổi tại Thái Nguyên cho rằng có biết hoặc đã nghe nói đến, tuy nhiên chưa hiểu rõ về nguyên nhân cũng như mức độ nguy hiểm của vấn đề kháng KS hiện nay [1].

4.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến thái độ sử dụng thuốc kháng sinh của người dân trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Đối tượng có điểm trung bình thái độ cao nhất là người có trình độ Sau đại học, đối tượng có điểm trung bình thái độ thấp nhất là người có trình độ Trung cấp/Cao đẳng với điểm trung bình là 3,87. Điều này cho thấy trình độ dân trí có ảnh hưởng rất lớn đến nhận thức của người dân đối với việc sử dụng KS đúng cách.

Kết quả kiểm định giả thuyết về sự khác biệt của hai trung bình tổng thể (Independent samples t-Test) giữa nam và nữ cho thấy $p = 0,223$, tức là không có sự khác biệt về điểm trung bình thái độ giữa nam và nữ (mức ý nghĩa 0,05). Kết quả này có sự khác biệt so với nghiên cứu tại Thụy Điển, theo đó nam giới có thái độ tiêu cực đối với việc mua kháng sinh không đơn cao hơn so với nữ giới [6]. Khi kiểm định sự khác biệt điểm trung bình thái độ ở các nhóm người có trình độ học vấn khác bằng phân tích phương sai một yếu tố (ANOVA) mức ý nghĩa 0,05, kết quả cho thấy có sự khác biệt về điểm trung bình thái độ giữa các nhóm trình độ học vấn ($p < 0,001$). Kết quả này tương đồng với nghiên cứu ở Kuwait, theo đó đối tượng có trình độ học vấn cao hơn sẽ có thái độ tốt hơn [3]. Đồng thời, khi so sánh ở các nhóm nghề nghiệp cho thấy có sự khác biệt về điểm trung bình thái độ giữa các đối tượng khác nhau về nghề nghiệp ($p < 0,001$), cụ thể là người làm việc trong ngành y tế sẽ có thái độ tốt hơn các ngành còn lại. Kết quả này cũng tương đồng với nghiên cứu tại Kuwait, những đối tượng làm việc trong khối ngành sức khỏe sẽ có thái độ tốt hơn vượt trội so với các nhóm đối tượng còn lại [3].

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu trên 414 người dân tại địa bàn thành phố Cần Thơ năm 2023 cho thấy phân loại theo mức thái độ về sử dụng kháng sinh có 14,3% người dân có thái độ tốt, 77,3% người dân có thái độ kém, điểm trung bình chung về thái độ là $4,43 \pm 1,589$. Một số yếu tố liên quan đến thái độ về sử dụng kháng sinh của người dân bao gồm nơi cư trú, độ tuổi, trình độ và nghề nghiệp. Từ kết quả trên cho thấy cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục đến các đối tượng và thực hiện phối hợp nhiều biện pháp để giúp người dân dễ dàng tiếp cận thông tin và nâng cao nhận thức hơn nữa về việc sử dụng kháng sinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Thị Mỹ Bình và cộng sự (2019), "Kiến

- thức và thực hành sử dụng KS ở người cao tuổi tại phường Hoàng Văn Thụ, TP Thái Nguyên” Tạp chí Y Dược học Cần Thơ, số 22-23-24-25, tr1-7.
- Bộ Y tế** (2017), Quyết định số 4041/QĐ-BYT ngày 07 tháng 09 năm 2017 phê duyệt đề án tăng cường kiểm soát kê đơn thuốc và bán thuốc kê đơn giai đoạn 2017-2020.
 - Awad AI, Aboud EA** (2015), Knowledge, attitude and practice towards antibiotic use among the public in Kuwait, PLoS One, 10(2): e0117910.
 - Hidayah Karuniawati et al** (2021), "Assessment of Knowledge, Attitude, and Practice of Antibiotic Use among the Population of Boyolali, Indonesia: A Cross-Sectional Study", nt. J. Environ. Res. Public Health 2021, 18(16), 8258
 - Lawan Sa'adatu Sunusi** (2022), "Assessment of Knowledge and Attitude toward Antibiotic Use and Resistance among Students of International University of Africa, Medical complex, Sudan", Glob Drugs Therap, Vol 4, pp.1-6.
 - Vallin M, Polyzoi M, Marrone G, Rosales-Klintz S, Tegmark Wisell K, Stålsby Lundborg C** (2016), Knowledge and Attitudes towards Antibiotic Use and Resistance - A Latent Class Analysis of a Swedish Population-Based Sample.
 - WHO**, The world is running out of antibiotics, WHO report confirms, <https://www.who.int/news/item/20-09-2017-the-world-is-running-out-of-antibiotics-who-report-confirms>, truy cập ngày 15/6/2023.

NGHIÊN CỨU ĐẶC ĐIỂM DỊCH TỄ, LÂM SÀNG VÀ CẬN LÂM SÀNG SỐT XUẤT HUYẾT DENGUE Ở TRẺ EM TẠI BỆNH VIỆN SẢN NHI TỈNH HẬU GIANG NĂM 2023

Nguyễn Trường Thịnh¹, Trần Tôn Thái², Trần Thị Ngọc Thảo¹, Nguyễn Huỳnh Long Quân¹, Trần Đỗ Thanh Phong¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Nghiên cứu nhằm 2 mục tiêu: Mô tả đặc điểm dịch tễ học, lâm sàng, cận lâm sàng của trẻ sốt xuất huyết Dengue, tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến tình trạng sốt xuất huyết Dengue nặng của trẻ tại bệnh viện Sản Nhi tỉnh Hậu Giang trong năm 2023. **Phương pháp:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 85 bệnh nhi ≤15 tuổi được chẩn đoán xác định sốt xuất huyết Dengue điều trị tại bệnh viện Sản Nhi tỉnh Hậu Giang trong năm 2023. **Kết quả:** Trong nghiên cứu, gồm 5 bệnh nhân xuất huyết Dengue nặng chiếm 5,88%. Trong đó, có 3 trường hợp có hội chứng sốc, không có trường hợp suy đa tạng. Tỷ lệ nam chiếm 60%, nữ chiếm 40%. Phân bố nhóm tuổi: <1 tuổi 4,7%; 1 - <5 tuổi 17,6%; 5 - 10 tuổi 37,6% và >10 tuổi 40%. Một số triệu chứng lâm sàng hay gặp: sốt chiếm 100%, buồn nôn 54,1%, nôn 42,4%, chán ăn 36,5%, đau bụng 35,3%. Các triệu chứng xuất huyết: sung huyết, phát ban 14,2%, xuất huyết dưới da 42,4% (chủ yếu là xuất huyết dạng chấm 100%). Kết quả cận lâm sàng: số lượng tiểu cầu <100 000/mm³ chiếm 58,8% (trẻ có số lượng tiểu cầu <50 000/mm³ chiếm 12,9%), Hct ≥40% chiếm 48,2%. Xét nghiệm men gan: AST tăng chiếm 8,2%, ALT tăng chiếm 7,1%. **Từ khóa:** Nghiên cứu, Dịch tễ học, Lâm sàng, Cận lâm sàng, Sốt xuất huyết, Dengue, Khoa truyền nhiễm.

SUMMARY

¹Trường Đại học Võ Trường Toản
²Bệnh viện Sản nhi Tỉnh Hậu Giang
 Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Trường Thịnh
 Email: 8626353701@stu.vttu.edu.vn
 Ngày nhận bài: 7.5.2024
 Ngày phản biện khoa học: 18.6.2024
 Ngày duyệt bài: 19.7.2024

STUDY ON EPIDEMIOLOGICAL, CLINICAL AND CHARACTERISTICS CLINICAL CLINICAL FEVER OF DENGUE FEVER IN CHILDREN AT HAU GIANG PROVINCE OBSTETRICS AND PEDIATRICS HOSPITAL IN 2023

Objective: The study has objectives: Describe the epidemiological, clinical, and paraclinical characteristics of children with dengue hemorrhagic fever, find out some factors related to the condition. Severe dengue hemorrhagic fever in children at Hau Giang Obstetrics and Pediatrics Hospital in 2023. **Methods:** Cross-sectional descriptive study on 85 pediatric patients ≤15 years old with a confirmed diagnosis of Dengue hemorrhagic fever treated at Hau Giang Provincial Obstetrics and Pediatrics Hospital in 2023. **Result:** In the study, the percentage of severe dengue fever accounted for 5,88%. Among them, 3 patients had shock syndrome and no patient multiple organ failure. The proportion of men accounts for 60%, women accounts for 40%. The age group with <1 age 4,7%; 1 - <5 age 17,6%; 5 - 10 age 37,6% và >10 age 40%. Some common clinical symptoms: fever accounts for 100%, nausea 54,1%, vomiting 42,4%, anorexia 36.5%, abdominal pain 35.3%. Symptoms of bleeding: congestion, rash 14.2%, subcutaneous bleeding 42,4 (mainly dot-like bleeding 100%). Paraclinical results: platelet count <100 000/mm³ accounts for 58,8% (children with platelet count <50 000/mm³ accounts for 12,9%), Hct ≥40% accounts for 48,2%. Liver enzyme test: AST increased in 8,2%, ALT increased in 7,1%. **Keywords:** Research, Epidemiology, Clinical, Paraclinical, Dengue fever, Dengue, Infectious disease department.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sốt xuất huyết Dengue (SXHD) là bệnh truyền nhiễm cấp tính do 4 types virus Dengue